

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MƯỜNG LÁT
TỈNH THANH HOÁ**

1
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2018/HS-ST
Ngày 23-5-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG LÁT - TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lương Văn Cường

2. Bà Ngô Thị Lan

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Văn Chứ, Thư ký - Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát tham gia phiên tòa: Ông Trương Văn Phú - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 06/2018/TLST-HS ngày 13 tháng 3 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2018/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2018/HSST-QĐ ngày 09 tháng 5 năm 2018, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Ngân Văn T** - Sinh ngày 04 tháng 01 năm 1988. Nơi sinh: Xã Quang Chiêu, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa; Nơi ĐKKHKT: Bản Qua, xã Quang Chiêu, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Nơi ở hiện nay: Bản Qua, xã Quang Chiêu, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Trình độ văn hóa: 10/12; Con ông: Ngân Văn Khếu, đã chết; Con bà: Lương Thị Bìn, sinh năm 1965; Vợ là Lương Thị Diệm, sinh năm 1987; Con có 02 con, lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2011.

Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại theo Lệnh Cấm đi khỏi nơi cư trú số 02/2018/LCĐKNCT-TA ngày 23-3-2018 của Tòa án nhân dân huyện huyện Mường Lát. Có mặt tại tòa.

Người bị hại: Anh Ngân Văn B, sinh năm 1985.

Trú tại: Khu 2, thị trấn Mường Lát, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt có lý do.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Ngọc Khang - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý số 1, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 23 giờ ngày 03-01-2018, Ngân Văn T đến Bệnh viện Đa khoa huyện Mường Lát để thăm người thân bị ốm đang điều trị tại đây. Khi Ngân Văn T đi qua phòng 103 thì phát hiện người trong phòng này đã ngủ và để chiếc điện thoại ở đầu giường, nên T đã nảy sinh ý định trộm cắp chiếc điện thoại. Ngân Văn T đã mở cửa lên vào lấy trộm chiếc điện thoại nói trên rồi nhanh chóng đi ra ngoài cửa phòng và tiếp tục đi thăm người ốm.

Đến 08 giờ, ngày 10-01-2018, anh Ngân Văn B đã trình báo Cơ quan CSĐT Công an huyện Mường Lát về việc anh bị mất 01 chiếc điện thoại có đặc điểm là màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO F3 PLUS, màu trắng –bạc, bị mất khi đi chăm sóc con bị ốm và điều trị tại Bệnh viện Đa khoa huyện Mường Lát.

Chiếc điện thoại T tộm cắp được, tình đã mang về sử dụng. Đến 19 giờ ngày 10-01-2018 thì Ngân Văn T đã đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Mường Lát đầu thú, khai báo hành vi phạm tội của mình và giao nộp chiếc điện thoại đã trộm cắp được ngày 03-01-2018.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 01/KL-ĐGTS ngày 11-01-2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa kết luận như sau: Tổng giá trị tài sản bị xâm hại là: 4.000.000đ (Bốn triệu đồng chẵn).

Vật chứng của vụ án: 01 chiếc điện thoại có đặc điểm là màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO F3 PLUS, màu trắng –bạc. Cơ quan CSĐT Công an huyện Mường Lát đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Ngân Văn B, sinh năm 1985, trú tại: Khu 2, thị trấn Mường Lát, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Ngân Văn B đã nhận lại được tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường.

Trong quá trình điều tra bị cáo Ngân Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Tại phiên tòa, bị cáo không bổ sung thêm gì, không thay đổi lời khai, không có khai báo thêm tình tiết mới.

Tại Cáo trạng số 11/CT-VKS-ML ngày 13-3-2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát truy tố bị cáo Ngân Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo

khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố ban đầu đối với bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản”. Nên đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Tuyên bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

+ Áp dụng: Điều 36; điểm h, điểm i, điểm s, khoản 1; khoản 2, điều 51; khoản 1 điều 173 BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo.

+ Về hình phạt: Đề nghị xử phạt bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo cho UBND xã Quang Chiêu, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét.

Người bào chữa chữa cho bị cáo đã đồng tình với quan điểm truy tố của VKS về tội danh, điều luật áp dụng và khung hình phạt, tình tiết giảm nhẹ. Bị cáo là người dân tộc thiểu số, lại sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, hiểu biết pháp luật còn hạn chế, tuổi đời còn trẻ nên bỗng bột, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, ổn định, bản thân chưa có tiền án, tiền sự; trước khi có hành vi phạm tội bị cáo luôn chấp hành tốt đường lối chủ trương, chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước, chấp hành tốt các nội quy, quy chế của thôn bản, các con đang còn nhỏ cần có sự chăm sóc của cả cha và mẹ, khi hành vi của bị cáo chưa bị phát giác thì bị cáo đến cơ quan chức năng tự thú, nên đề nghị HĐXX áp dụng thêm điểm r khoản 1 điều 51 cho bị cáo, không cần thiết cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội mà vẫn có thể cải tạo bị cáo trở thành một công dân tốt, đề nghị hình phạt cho bị cáo là 06 tháng cải tạo không giam giữ.

Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét.

Tại phiên tòa Bị cáo nhận tội, đồng tình với lời bào chữa của trợ giúp viên pháp lý, không thay đổi, không bổ sung thêm gì, không có ý kiến tranh luận với đại diện VKS, lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo một mức án thấp nhất, để có điều kiện chăm sóc vợ con.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời nói sau cùng của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mường Lát, Điều tra

viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố; Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký tham gia phiên tòa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, Trợ giúp viên pháp lý là người bào chữa, người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Hành vi phạm phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại; Đó là, vào hồi 23 giờ ngày 03-01-2018, bị cáo đi vào Bệnh viện Đa khoa huyện Mường Lát để thăm người thân bị ốm, khi đi qua phòng 103 thì nhìn thấy người trong phòng đã ngủ và có chiếc điện thoại để bên cạnh người đàn ông đang ngủ, bị cáo đã nảy sinh ý định trộm cắp chiếc điện thoại này để đem về sử dụng cho bản thân. Bị cáo đã lén lút vào phòng lấy trộm 01 chiếc điện thoại có đặc điểm là màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO F3 PLUS màu trắng-bạc, đã qua sử dụng. Trị giá của chiếc điện thoại bị cáo trộm cắp đã được Cơ quan chuyên môn định giá, tại thời điểm tháng 01 năm 2018 có giá trị là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng chẵn).

Hành vi trên của bị cáo Ngân Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai.

[3] Tính chất vụ án: Bị cáo Ngân Văn T có đầy đủ khả năng nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, pháp luật nghiêm cấm nhưng với ý thức xem thường pháp luật, lười lao động, ham hưởng thụ, nên lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của người bị hại, đã trộm cắp tài sản là một chiếc điện thoại loại màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO F3 PLUS, màu trắng-bạc, trị giá 4.000.000 đồng của anh Ngân Văn B. Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác, gây hoang mang lo sợ trong quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử phạt bị cáo từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ; người bào chữa đề nghị xử phạt bị cáo 06 tháng cải tạo không giam giữ đối với bị cáo là chưa thật sự đủ tính răn đe và phòng ngừa, trong khi tình hình tội phạm về xâm phạm quyền sở hữu trên địa bàn huyện đang gia tăng về số lượng và tính phức tạp. Do đó, hành vi này phải được xử lý với hình phạt tương xứng để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng rách nhiệm hình sự; Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo nhận tội, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đã ra cơ quan CSĐT để đầu thú; trước khi phạm tội luôn chấp hành tốt chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước; Do đó, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, điểm s, khoản 1; khoản 2, điều 51 BLHS; Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng và có khả năng cải tạo tại nơi cư trú, không bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù, thì cũng không gây ảnh hưởng đến cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm, nên HĐXX áp dụng điều 3; điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo, cho bị cáo cải tạo tại nơi cư trú, mà vẫn đủ sức răn đe.

Đối với đề nghị của Viện kiểm sát về tình tiết “Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại” và Người bào chữa đề nghị cho bị cáo hưởng tình tiết “Tự thú” thì HĐXX không đủ cơ sở chấp nhận, vì đây là tội phạm xâm phạm sở hữu, bị cáo đã thực hiện hoàn thành việc phạm tội, bị cáo ra đầu thú tại cơ quan chức năng.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa thì bị cáo làm nương rẫy, không có thu nhập ổn định, gia đình thuộc diện hộ nghèo. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Vật chứng trong vụ án: Chiếc điện thoại mà bị cáo trộm cắp đã được trả lại cho anh Ngân Văn B, nên HĐXX không xét.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là anh Ngân Văn Bằng đã nhận lại chiếc điện thoại; vắng mặt tại phiên tòa và không có đề nghị gì, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo thuộc diện hộ nghèo nên miễn án phí HSST cho bị cáo theo quy định của pháp luật. Bị cáo và Người bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1, điều 173; điều 3; điểm i, điểm s, khoản 1; khoản 2, điều 51; điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo.

Tuyên bố: Bị cáo Ngân Văn T phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Hình phạt chính: Xử phạt Bị cáo Ngân Văn T **06** (Sáu) tháng tù, cho bị cáo hưởng án treo. Thời gian thử thách là **12** (Mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 23-5-2018). Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Quang Chiêu, huyện Mường

Lát, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo, theo khoản 5 điều 65 Bộ luật hình sự.

Về vật chứng: Người bị hại đã nhận lại tài sản, nên không xét.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo không phải bồi thường.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ, khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên: Miễn tiền án phí Hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Quyền kháng cáo và kháng nghị: Áp dụng: Điều 331, Điều 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Án xử công khai; có mặt bị cáo và người bào chữa cho bị cáo. Vắng mặt người bị hại. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV-THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- VKS nhân dân huyện Mường Lát;
- VKS nhân dân tỉnh Thanh Hóa
- Cơ quan CSĐT- Công an H. Mường Lát;
- Chi cục THADS huyện Mường Lát;
- UBND xã Quang Chiêu, huyện Mường Lát;
- Bị cáo Ngân Văn T;
- Người bị hại Ngân Văn B;
- Người bào chữa cho bị cáo;
- Hồ sơ Thi hành án Hình sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tiến Dũng

